

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình:  
Nâng cấp, mở rộng QL.14 đoạn Đồng Xoài – Chơn Thành.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;*

*Căn cứ Thông tư 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở;*

*Căn cứ Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế, phí thẩm định dự toán xây dựng;*

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-UBND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh về Quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, nhóm C của tỉnh giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 31/3/2022 của HĐND tỉnh về quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, nhóm C của tỉnh giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 3284/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022;

Xét đề nghị của Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số 50/TTr-SGTVT ngày 12/8/2022.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp, mở rộng QL.14 đoạn Đồng Xoài – Chơn Thành, với các nội dung như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng QL.14 đoạn Đồng Xoài – Chơn Thành.
2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
3. Chủ đầu tư: Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước.
4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng

4.1. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Nhằm hoàn thiện mạng lưới giao thông theo quy hoạch của tỉnh, tạo động lực phát triển kinh tế xã hội cho vùng tam giác phát triển Đồng Xoài – Đồng Phú – Chơn Thành nói riêng và của tỉnh nói chung; góp phần thu hút đầu tư vào các Khu Công nghiệp, Khu dân cư dọc tuyến; góp phần đảm bảo ATGT; nâng cao dân trí, cải thiện môi trường, thuận lợi trong giao lưu văn hóa - xã hội, phát triển KTXH nơi có dự án đi qua; đồng thời, giữ vai trò quan trọng trong công tác đảm bảo quốc phòng, an ninh trong khu vực.

- 4.2. Quy mô, phương án đầu tư xây dựng:

a) Quy mô:

- Đầu tuyến: Km970+600 (Cuối đường đôi đoạn nội ô), thuộc phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài.

- Cuối tuyến: Km994+790,37 (Ngã ba Mũi Dùi), xã Minh Thành, huyện Chơn Thành.

Tuyến đường được thiết kế theo tiêu chuẩn TCVN 4054-2005, đường cấp III, cấp kỹ thuật 80 có một số đoạn cấp kỹ thuật 60, với các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu như sau:

- Chiều dài tuyến: 24,19 Km.
- Vận tốc thiết kế: 80Km/h (một số đoạn 60 Km/h).
- Tải trọng thiết kế đường: 12 tấn/ trục đơn.
- Tải trọng thiết kế cầu: HL93.
- Tải trọng thiết kế cống: H30-XB80
- Kết cấu áo đường: Cấp cao A1.
- Quy mô mặt cắt ngang:
  - + Bề rộng mặt đường xe cơ giới: 23,5m.
  - + Bề rộng làn xe hỗn hợp: 6,25m x 2 bên = 12,5m.
  - + Bề rộng dải phân cách giữa làn xe cơ giới và làn hỗn hợp: 2m x 2 bên = 4m.
  - + Bề rộng lề đường 3m x 2 bên = 6m.

Tổng cộng bề rộng nền đường: 46m.

- Phần cầu: Thiết kế xây dựng mới cầu Nha Bích; đối với các cầu còn lại (Cầu Suối Dung, cầu Suối Đông, cầu Lò Gạch, cầu Xa Cát, cầu Suối Ngang) thiết kế tận dụng và thực hiện đầu tư mở rộng đạt đồng bộ với bề rộng của phần đường.

- Hệ thống thoát nước:

+ Hệ thống thoát nước ngang: Tại các vị trí cống thoát nước ngang hiện hữu, thay mới nhằm đạt khẩu độ thoát nước.

+ Hệ thống thoát nước dọc: Tại một số đoạn qua khu dân cư và những chỗ có nguy cơ xảy ra ngập úng thiết kế cống thoát nước dọc bằng cống Ø100 đúc sẵn tại nhà máy.

- Hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống an toàn giao thông: Đầu tư hoàn chỉnh.

b) Phương án xây dựng:

- Bình đồ tuyến: Tuyến đường được thiết kế bám theo tim đường hiện hữu, tại một số đoạn không đảm bảo yếu tố kỹ thuật thực hiện nắn chỉnh tuyến cục bộ như đoạn qua khu vực cầu Nha Bích.

- Mặt cắt dọc tuyến: Đảm bảo yếu tố hình học cấp đường thiết kế và các điều kiện khống chế, cụ thể:

+ Phối hợp hài hoà với bình đồ tuyến để tạo nên một tuyến không gian thuận mắt, lưu thông êm thuận;

+ Tận dụng lại mặt đường nhựa hiện hữu;

+ Không chế cốt quy hoạch tại nút giao đầu tuyến, cuối tuyến, các cầu hiện hữu tận dụng.

b.1. Phân đường:

- Mặt cắt ngang tuyến:

+ Độ dốc ngang mặt đường: 2%

+ Độ dốc ngang lề đường: 4%

- Kết cấu áo đường trên mặt đường nhựa hiện hữu: Thảm lớp bê tông nhựa chặt C12,5 dày trung bình 7cm, lu lèn đạt  $K \geq 0,98$ ,  $E \geq 175\text{Mpa}$  trên lớp nhựa thấm bám tiêu chuẩn  $0,5\text{Kg/m}^2$ .

- Kết cấu áo đường trên mặt đường mở rộng và làm mới:

\* Kết cấu áo đường đối với làn đường xe cơ giới và chỗ quay đầu xe:

+ Thảm lớp bê tông nhựa chặt C12,5 dày 4cm, lu lèn đạt  $K \geq 0,98$ ,  $E \geq 175\text{Mpa}$ .

+ Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn  $0,5\text{Kg/m}^2$ .

+ Thảm lớp bê tông nhựa chặt C19 dày 6cm, lu lèn đạt  $K \geq 0,98$ ,  $E \geq 170\text{Mpa}$ .

+ Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn  $1,0\text{Kg/m}^2$ .

+ Lớp cấp phối đá dăm  $D_{\max}=37,5$  dày trung bình 25cm, lu lèn đạt  $K \geq 0,98$ ,  $E \geq 165\text{Mpa}$ .

+ Lớp Đá dăm nước dày trung bình 15cm.

+ Lu lèn nguyên thổ nền đào, đắp đến cao độ thiết kế đạt  $K \geq 0,95$  (riêng 30cm tiếp giáp phần dưới kết cấu áo đường đạt  $K \geq 0,98$ ).

\* Kết cấu áo đường đối với làn đường xe hỗn hợp:

+ Thảm lớp bê tông nhựa chặt C12,5 dày 6cm, lu lèn đạt  $K \geq 0,98$ ,  $E \geq 165\text{Mpa}$ .

+ Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn  $1,0\text{Kg/m}^2$ .

+ Lớp cấp phối đá dăm  $D_{\max}=37,5$  dày trung bình 18cm, lu lèn đạt  $K \geq 0,98$ ,  $E \geq 155\text{Mpa}$ .

+ Lớp Đá dăm nước dày trung bình 15cm.

+ Lu lèn nguyên thổ nền đào, đắp đến cao độ thiết kế đạt  $K \geq 0,95$  (riêng 30cm tiếp giáp phần dưới kết cấu áo đường đạt  $K \geq 0,98$ ).

- Hệ thống dải phân cách giữa làn xe cơ giới và làn xe hỗn hợp: Bằng bê tông xi măng đá  $1 \times 2 \text{ M}200$  đổ tại chỗ.

- Kết cấu nền, lề đường: Đắp đất sỏi đỏ (đất cấp 3 chọn lọc), lu lèn  $K \geq 0,95$ .

- Hệ thống điện chiếu sáng: Theo hồ sơ phần điện chiếu sáng đã được Sở Công thương góp ý tại văn bản số 2681/SCT-NL ngày 03/12/2021.

- Hệ thống thoát nước ngang: Tại các vị trí công thoát nước ngang hiện hữu, thay mới nhằm đạt khẩu độ thoát nước.

- Hệ thống thoát nước dọc: Tại một số đoạn qua khu dân cư và những chỗ có nguy cơ ra ngập úng thiết kế công thoát nước dọc bằng cống Ø100 đúc sẵn tại nhà máy.

- Hệ thống an toàn giao thông: Thiết kế tổ chức giao thông trên đường được tuân theo đúng quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2019/BGTVT.

#### b.2. Phần cầu:

- Đối với cầu Nha Bích: Xây dựng mới về phía bên phải tuyến 02 cầu dài 198,1m (tính đến mép sau tường đỉnh mố), với các thông số kỹ thuật cho 01 đơn nguyên như sau:

* Tổng bề rộng cầu:	16m.
+ Bề rộng làn xe ô tô:	$2 \times 3,75\text{m} = 7,5\text{m}$ .
+ Bề rộng làn xe hỗn hợp:	6m.
+ Bề rộng dải an toàn:	$4 \times 0,25\text{m} = 1\text{m}$ .
+ Bề rộng dải phân cách giữa:	0,5m.
+ Bề rộng lan can:	$2 \times 0,5\text{m} = 1\text{m}$ .

#### \* Sơ đồ nhịp gồm:

+ 03 nhịp giữa liên tục dạng đúc hẫng cân bằng, sơ đồ (42m+63m+42m), dầm hộp bằng BTCT DƯL, trên thiết kế vòm tạo điểm nhấn cảnh quan cho phát triển du lịch hồ Phước Hòa và cửa ngõ vào thành phố Đồng Xoài.

+ 02 nhịp biên dạng giản đơn dài 25m, dầm T ngược bằng BTCT DƯL nhằm dẫn vào các nhịp giữa của cầu.

+ Kết cấu mố cầu: dạng chữ U được đặt trên hệ cọc khoan nhồi gồm 10 cọc Ø100, chiều cọc dự kiến 20m.

+ Kết cấu trụ dạng ô van được đặt trên hệ cọc khoan nhồi gồm 12 cọc có Ø100 đến Ø150, chiều dài dự kiến từ 20-25m.

- Đối với cầu Suối Dung, cầu Suối Đông, cầu Lò Gạch, cầu Xa Cát, cầu Suối Ngang:

+ Trên cơ sở kết quả kiểm định thử tải cầu, các cầu được thiết kế tận dụng lại cầu cũ, thực hiện mở rộng cầu mỗi bên 7,2m và đầu tư xây dựng mới 02 đơn nguyên cầu ở 2 bên với bề rộng cầu cho 01 đơn nguyên là 7,25m. Tổng bề rộng cầu sau nâng cấp đạt 41m.

+ Sơ đồ nhịp: sử dụng nhịp giản đơn, sơ đồ nhịp bám theo đúng hiện trạng cầu cũ, dầm dạng chữ I bằng BTCT DƯL.

+ Kết cấu mố cầu: dạng chữ U được đặt trên hệ cọc khoan nhồi Ø100.

+ Kết cấu trụ dạng ô van được đặt trên hệ cọc khoan nhồi Ø100.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát: Công ty TNHH TVXD Nam Phước. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình: Công ty TNHH TVXD Nam Phước.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất:

a) Địa điểm xây dựng: Thành phố Đồng Xoài và huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

b) Diện tích sử dụng đất: Khoảng 111 ha (bao gồm cả phần đường giao thông hiện hữu).

7. Loại, nhóm dự án, cấp công trình, thời hạn sử dụng của công trình:

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B;

- Loại công trình: Công trình giao thông đường bộ;

- Cấp công trình: Cấp II.

- Thời hạn sử dụng công trình:

+ Phân đường: tối thiểu 10 năm theo TCCS 38:2022/TCĐBVN.

+ Phân cầu: Vĩnh cửu theo TCVN 11823:2017.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

a) Số bước thiết kế: 02 bước.

b) Danh mục các tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng áp dụng:

I	Áp dụng trong công tác khảo sát	Tên tiêu chuẩn
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới độ cao	QCVN 11:2008/BTNMT
2	Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ: 1/500, 1/1000, 1/2000, 1/5000	96TCN 43-90
3	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình – Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
4	Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình	TCVN 9401:2012
5	Quy trình khảo sát đường ô tô	22TCN 263-2000
6	Đường ô tô- tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31:2020/TCĐBVN
7	Quy trình khảo sát thiết kế nền đường ô tô trên đất yếu	TCCS 41:2022/TCĐBVN
8	Quy trình khoan thăm dò địa chất công trình	TCVN 9437:2012
9	Đất xây dựng – Phương pháp thí nghiệm hiện trường – Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9153:2012
10	Thoát nước, mạng lưới và công trình bên ngoài – tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 7957:2008

11	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011
II	Áp dụng trong công tác thiết kế	
1	Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô	TCVN 4054-2005
2	Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38:2022/TCĐBVN
3	Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế theo chỉ số kết cấu	TCCS 37:2022/TCĐBVN
4	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN41:2019
5	Tiêu chuẩn tính toán đặc trưng dòng chảy lũ	TCVN 9845:2013
6	Thoát nước, mạng lưới và công trình bên ngoài – tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 7957:2008
7	Kết cấu bê tông và BTCT – Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574:2012
8	Tiêu chuẩn thiết kế cầu bộ	TCVN 11823:2017
9	Tiêu chuẩn thiết kế công trình phụ trợ trên cầu	TCVN 11815:2017
10	Móng cọc – Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 10304:2014
III	Áp dụng trong công tác thi công, nghiệm thu	
1	Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu lớp kết cấu áo đường ô tô bằng cấp phối thiên nhiên	TCVN 8857:2011
2	Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu lớp kết cấu áo đường đá dăm nước	TCVN 9504:2012
3	Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô	TCVN 8859:2011
4	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng – Thi công và nghiệm thu – Phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường	TCVN 13567-1:2022
5	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng – Thiết kế theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011
6	Công tác đất – Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4447-2012

7	Nền đường ô tô – Thi công và nghiệm thu	TCVN9436:2012
8	Quy trình thí nghiệm xác định chỉ số CBR của đất, đá dăm	22TCN 332-06
9	Quy trình đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22TCN 333-06
10	Cầu và cống – Quy phạm thi công và nghiệm thu	22TCN 266 - 2000
11	Bê tông – Yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên	TCVN 8828:2011
12	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4453-1995
13	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 9115:2012
14	Cốt thép bê tông	TCVN 1651-2008
15	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN41:2019

Và các quy trình hiện hành có liên quan.

9. Tổng mức đầu tư dự án: 1.450.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một nghìn, bốn trăm năm mươi tỷ đồng*)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 1.151.324.899.290 đồng.
- Chi phí GPMB (tạm tính): 100.521.958.861 đồng.
- Chi phí QLDA: 11.313.860.454 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 25.731.765.174 đồng.
- Chi phí khác: 8.735.284.531 đồng.
- Chi phí dự phòng: 152.372.231.690 đồng.

10. Thời gian thực hiện công trình: Năm 2022-2025.

11. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

13. Phương án GPMB, tái định cư: Chủ đầu tư tổ chức GPMB theo đúng quy định.

14. Trình tự đầu tư xây dựng đối với công trình bí mật nhà nước: Không.

15. Các nội dung khác: Chủ đầu tư thực hiện các kiến nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 63/SGTVT-HTGT ngày 12/8/2022.

(*Kèm theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được Sở Giao thông vận tải thẩm định tại Văn bản số 63/SGTVT-HTGT ngày 12/8/2022*)

**Điều 2.** Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh là chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Giao thông vận tải, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước Bình Phước; Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài, Chủ tịch UBND huyện Chơn Thành; Giám đốc Ban QLDA ĐTXD tỉnh; Đơn vị tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- LDVP, P.KT;
- Lưu: VT<sub>(Tří-GT09)</sub>.

K. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*Huỳnh Anh Minh*